

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hôn.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Bích T - Sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp TL, xã VL, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* ông Lê Văn H - Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp TL, xã VT, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà T trình bày: vào ngày 25/12/1995, bà T và ông H chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên ông H thường hay vắng nhà và không lo cuộc sống gia đình, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không lo làm ăn mà hay cờ bạc và quan hệ bất chính người khác, nhiều lần bà tha thứ nhưng vẫn tãnh nào tãt nấy. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông H và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: gồm có một người con chung tên Lê Thị Mộng T, sinh năm 1997 đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật nên bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn đối với ông H thì mặc dù vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2020 ông H trình bày ông còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn. Về con, tài sản và nợ chung ông H thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bà T. Do bận công việc đi làm ăn xa nên ông H yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy do mâu thuẫn gia đình, bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H nên đây là vụ án hôn nhân về việc: “*Ly hôn*” theo qui định tại điều 51, điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; bị đơn là ông Lê Văn H có nơi cư trú tại ấp TL, xã VT, huyện CL, tỉnh BT nên Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý vụ án giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn, ông H đã có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, bà T và ông H đã tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: bà T cho rằng trong quá trình sống chung thì bà với ông H có tạo ra hai người con chung tên Lê Thị Mộng T, sinh năm 1997, đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, bà T, ông H không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.

[4] Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai thì bà T, ông H đều không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không đặt ra để xem xét.

Về nợ chung: Bà T, ông H đều thống nhất là ông bà không có nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết nên cũng không đặt ra để xem xét.

Ngoài ra, bà T còn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Không công nhận bà Lê Thị Bích T và ông Lê Văn H là vợ chồng.
2. Về con chung: có một người con chung tên Lê Thị Mộng T, sinh năm 1997 (đã trưởng thành đủ điều kiện nuôi sống bản thân, không bị bệnh tật, bà T, ông H không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.
3. Về tài sản và nợ chung: Bà T và ông H đều xác định không có tài sản nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.
5. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền bà T nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0011093 ngày 06/03/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được chuyển sang án phí là đủ.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện CL;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh BT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG